

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-02-2022

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI -TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Cương

Bà Cao Thị Chuyên

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Hoàng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2022/TLST- HNGĐ ngày 10-01-2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09-02-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ 14, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Nam T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 1, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Hồng A trình bày:

Chị và anh Bùi Nam T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 10-10-2018 tại UBND phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11-2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xảy ra tranh cãi, anh T thường có lời nói xúc phạm chị. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Chị A và anh T đã ly thân từ tháng 12-2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị A xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị A xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung : Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai có trong hồ sơ, bị đơn anh Bùi Nam T trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như Chị A trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 12-2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, hiện vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh T xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đồng ý ly hôn Chị A.

Về con chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn anh Bùi Nam T có nơi cư trú tại tổ 1, phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Chị A và anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng A và anh Bùi Nam T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái ngày 10-10-2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 12-2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng hiện đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Chị A và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị A và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị A, cho Chị A được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị A và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng A được ly hôn anh Bùi Nam T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0000128 ngày 05-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị A đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP. Yên Bái;
- CCTHADS TP. Yên Bái;
- UBND xã Hợp Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thao

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tp. Yên Bái;
- THADS tp. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND p. Đồng Tâm;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Ngọc Thao

Nơi nhận:

- *TA tỉnh ;*
- *VKSND tp.Yên Bái;*
- *THADS tp. Yên Bái;*
- *Các đương sự;*
- *UBND p. Yên Thịnh;*
- *Lưu HS.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Ngọc Thao

